

CÔNG TY CỔ PHẦN DV & TM TÂN HẢI MINH GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DV & TM TÂN HẢI MINH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GROUP TAN HAI MINH TM & DV JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108650564

3. Ngày thành lập: 15/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 315 Vũ Tông Phan, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); máy móc, thiết bị y tế; người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải; thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
5.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
6.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Hoạt động cáp treo, đường sắt leo núi; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô.	4932
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

9.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
10.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các toà nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ toà nhà, dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Xây dựng bể bơi ngoài trời; thuê cần trục có người điều khiển;	4390
12.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác; thức ăn cho động vật cảnh; kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;	4632
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không gồm dược phẩm)	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không gồm hoạt động sàn giao dịch điện tử, kinh doanh đa cấp)	4791
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
27.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
28.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
29.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
30.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
31.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
32.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

33.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
40.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
41.	Xây dựng công trình điện	4221
42.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
43.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
44.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
45.	Xây dựng công trình thủy	4291
46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
50.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
51.	In ấn	1811
52.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
53.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
54.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
56.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
57.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
58.	Bán buôn đồ uống	4633
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

60.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình gồm : Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Giám sát thi công xây dựng gồm: Giám sát công tác xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp	7110
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820(Chính)
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
63.	Thu gom rác thải độc hại	3812
64.	Tái chế phế liệu	3830

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Số 226, phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	25,000	0010900219 16	
			Tổng số	47.500	475.000.000	25,000		

2	NGUYỄN LƯƠNG ĐỨC	Số 56, ngõ 262B Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.300	513.000.000	27,000	0010880016 11	
			Tổng số	51.300	513.000.000	27,000		
3	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	Thôn Hoàng Long, Xã Tân Lĩnh, Huyện Ba Vi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	111853675	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000		
4	LÊ TRUNG HẢI	Số 8, ngõ 594, đường Láng, tổ 2, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	53.200	532.000.000	28,000	012795121	
			Tổng số	53.200	532.000.000	28,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HỮU HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001094003224

Ngày cấp: 01/11/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 100, ngõ 2 Giảng Võ, , Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 100, ngõ 2 Giảng Võ, , Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội